

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1109*/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày *22* tháng *9* năm 2011.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vùng cao su đại điền
tỉnh Lai Châu đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 87/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TU, ngày 05/11/2008 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu về phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh đến năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2008/NQ-HĐND, ngày 05/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Chương trình phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2015;

Thực hiện Thông báo số 282-TB/TU ngày 19/8/2011 của Tỉnh ủy Lai Châu thông báo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy hoạch phát triển vùng cao su đại điền tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 388/TTr-SNN, ngày 12 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vùng cao su đại điền tỉnh Lai Châu đến năm 2020 với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

1. Quy hoạch phát triển cây cao su thành vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

2. Chỉ quy hoạch phát triển cây cao su ở những vùng có điều kiện đất đai, khí hậu phù hợp với yêu cầu sinh thái của cây cao su. Phát triển cao su trên diện tích chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả và đất rừng tự nhiên là rừng nghèo phù hợp với trồng cây cao su.

3. Quy hoạch phát triển cây cao su phải trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương; gắn với việc lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để đầu tư kết cấu hạ tầng, sắp xếp bố trí dân cư trong vùng cao su,

đảm bảo nguồn nhân lực cho sản xuất cao su, góp phần ổn định đời sống, xoá đói, giảm nghèo bền vững.

4. Phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của nhà nước, để đảm bảo sản xuất cao su có hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Về diện tích: Đến năm 2020 toàn tỉnh có từ 25.000 - 30.000 ha cao su, cụ thể:

- Giai đoạn 2008 - 2010: diện tích cao su đã trồng được 5.797 ha.
- Giai đoạn 2011 - 2015: trồng mới khoảng 14.000 ha.
- Giai đoạn 2016 - 2020: trồng mới khoảng 10.000 ha.

2. Về sản phẩm: Đến năm 2015 có 900 ha cao su được khai thác mủ, sản lượng khai thác đạt khoảng 1.000 tấn; Đến năm 2020 có trên 11.000 ha cao su được khai thác mủ, sản lượng khai thác đạt trên 13.000 tấn.

3. Về giải quyết việc làm: Tạo việc làm, thu nhập ổn định cho trên 20.000 lao động trong tỉnh trực tiếp trồng, chăm sóc, chế biến cao su và các hoạt động dịch vụ phát triển cao su.

III. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH

1. Về quỹ đất trồng cao su

Mục tiêu quy hoạch đến năm 2020 toàn tỉnh có 25.000 - 30.000 ha cao su đại diện, cần quy hoạch các xã có tổng diện tích tự nhiên là 126.664 ha, diện tích vùng quy hoạch là 65.500 ha đất nông, lâm nghiệp đủ tiêu chuẩn trồng cao su, đã giao và chưa giao cho cá nhân, hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng, các tổ chức, gồm:

- Đất lâm nghiệp quy hoạch rừng sản xuất: Đất rừng trồng chất lượng kém, khoanh nuôi tái sinh không thành rừng; đất có rừng tự nhiên (trạng thái IIa, IIb, IIIa1) chất lượng kém, với diện tích nhỏ, manh mún trong vùng quy hoạch;
- Đất chưa sử dụng trạng thái Ia (đất trống, trắng cò), Ib (đất trống có cây bụi), Ic (đất trống có cây gỗ rải rác), đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn trồng cao su.
- Đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm hiệu quả kinh tế thấp;

2. Định hướng quy hoạch trồng cao su ở các tiểu vùng

Vùng quy hoạch phát triển cao su đại diện của tỉnh nằm trên địa bàn 36 xã, thị trấn thuộc 5 huyện Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè, Tân Uyên, Than Uyên. Chia làm các tiểu vùng như sau:

a) Tiểu vùng I: Quy hoạch diện tích 26.000 ha trên địa bàn 10 xã vùng thấp huyện Sìn Hồ gồm: Ma Quai, Nậm Tăm, Nậm Cha, Nậm Cuối, Cấn Co, Noong Héo, Nậm Hăn, Nậm Mạ, Pu Sam Cáp và một phần xã Tả Ngảo để trồng 11.500 ha cao su.

b) Tiểu vùng II: Quy hoạch diện tích 3.000 ha trên địa bàn 05 xã thuộc lưu vực sông Nậm Na huyện Phong Thổ gồm: Mường Sô, Nậm Xe, Không Lào, Hoang Thèn và Huổi Luông để trồng 1.600 ha cao su.

c) Tiểu vùng III: Quy hoạch diện tích 14.000 ha trên địa bàn 10 xã thuộc lưu vực sông Nậm Na huyện Sìn Hồ gồm: Chăn Nưa, Lê Lợi, Pú Dao, Xà Dề Phìn, Pa Tần, Nậm Ban, Tủa Sín Chải, Làng Mô, Tả Phìn, Hồng Thu để trồng 6.500 ha cao su.

d) Tiểu vùng IV: Quy hoạch diện tích 15.000 ha trên địa bàn 06 xã huyện Mường Tè, gồm các xã: Nậm Hàng, Nậm Manh, Mường Mô, Kan Hồ, Nậm Khao và Mường Tè để trồng 7.000 ha cao su.

đ) Tiểu vùng V: Quy hoạch diện tích 7.000 ha trên địa bàn 05 xã thuộc huyện Tân Uyên: xã Pắc Ta; huyện Than Uyên: xã Phúc Than, Mường Than, Mường Cang và thị trấn Than Uyên để trồng 3.400 ha cao su.

Riêng đối với tiểu vùng V cần được trồng khảo nghiệm và có đánh giá kết luận trước khi tổ chức thực hiện trồng đại trà.

3. Định hướng quy hoạch phát triển hạ tầng vùng cao su và công nghiệp chế biến

Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển cây cao su: Về quy mô, địa điểm đầu tư, thiết bị công nghệ do các doanh nghiệp xem xét, lựa chọn và có thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định phê duyệt theo quy định. Dự kiến quy hoạch như sau:

- Hệ thống giao thông đến vùng quy hoạch và trong vùng quy hoạch: 300 km.

- Nhà đội và nhà ở công nhân: 60 nhà.

- Nông trường: 15 nông trường

- Làng công nhân: 15 làng công nhân

- Vườn ươm cố định: 15 vườn.

- Nhà máy chế biến: quy hoạch xây dựng 07 nhà máy chế biến mủ cao su, dự kiến như sau:

- + Tại tiểu vùng I (khu vực vùng thấp huyện Sìn Hồ): gồm 02 nhà máy:

Nhà máy chế biến mủ cho nông trường Nậm Cha, Nậm Tăm, Mả Quai.

Nhà máy chế biến mủ cho nông trường Nậm Cuối, Cấn Co, Noong Hẻo, Nậm Hăn.

- + Tại tiểu vùng II huyện Phong Thổ, gồm 01 nhà máy chế biến mủ cho nông trường Hoang Thèn, Huổi Luông, Mường Sô.

- + Tại tiểu vùng III (khu vực dọc sông Nậm Na huyện Sìn Hồ): gồm 01 nhà máy chế biến mủ cho nông trường Chăn Nưa, Lê Lợi.

+ Tại tiểu vùng IV huyện Mường Tè, gồm 02 nhà máy chế biến mủ cho nông trường Nậm Hàng, Nậm Khao.

+ Tại tiểu vùng V huyện Tân Uyên, Thuận Uyên, gồm 01 nhà máy chế biến mủ cho nông trường Thuận Uyên.

4. Vốn đầu tư, hỗ trợ của tỉnh

a) Khái toán vốn đầu tư, hỗ trợ

Tổng mức đầu tư, hỗ trợ cho trồng 24.203 ha cao su đại diện từ năm 2011 đến năm 2020 là 520.272 triệu đồng. Trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: 322.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ khác: 198.272 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ

- Lồng ghép các chương trình, dự án như Chương trình di dân tái định cư các thủy điện, sử dụng nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi, ... để đầu tư phát triển hạ tầng vùng cao su: 322.000 triệu đồng, gồm các nội dung chính sau:

+ Xây dựng đường giao thông đến vùng quy hoạch và trong vùng quy hoạch.

+ Xây dựng nhà ở công nhân.

+ Đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng khác.

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 198.272,0 triệu đồng, tập trung vào một số hạng mục chính:

+ Chi phí cho công tác tuyên truyền, vận động nhân dân góp đất trồng cao su.

+ Hỗ trợ cho các hộ gia đình chuyển đổi đất, góp đất vào Doanh nghiệp để trồng cao su.

+ Hỗ trợ lao động trồng cao su.

+ Hỗ trợ khác

c) Phân kỳ vốn hỗ trợ, đầu tư

- Năm 2011: 79.953,0 triệu đồng.

- Năm 2012: 87.953,0 triệu đồng.

- Năm 2013: 91.881,0 triệu đồng.

- Năm 2014: 91.881,0 triệu đồng.

- Năm 2015: 85.975,0 triệu đồng.

- Từ năm 2016 đến năm 2020: 82.629,0 triệu đồng.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về đất đai trồng cao su

- Về cơ chế hợp tác, góp đất và hưởng lợi từ trồng cao su do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và UBND tỉnh xem xét, thống nhất quyết định.

- Loại đất được chuyển đổi, được góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp để trồng cao su: Thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đất đai của Trung ương và của tỉnh.

2. Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư

a) Vốn hỗ trợ, đầu tư của tỉnh

- Về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển vùng cao su: Trong khi chờ Quy định cụ thể của Chính phủ về chính sách hỗ trợ phát triển cao su cho các tỉnh miền núi phía Bắc và hoàn thiện quy định của tỉnh: tiếp tục thực hiện chính sách chuyển đổi đất và hỗ trợ đầu tư phát triển cao su đại diện theo Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND ngày 30/9/2008 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Chính sách khác: trên cơ sở lồng ghép các chương trình, dự án như Chương trình di dân tái định cư các công trình thủy điện, sử dụng nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi, ... đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu vùng cao su, nhất là giao thông, điện, nước, nhà ở, y tế, giáo dục, ...

Ngoài ra vùng cao su được hưởng chính sách hỗ trợ, đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Vốn của doanh nghiệp

c) Vốn vay tín dụng

3. Giải pháp về kỹ thuật và khoa học công nghệ

a) Giải pháp về giống

Các Doanh nghiệp trồng cao su chủ động lựa chọn, bố trí cơ cấu giống hợp lý, có năng suất mũ cao, phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu từng tiểu vùng tại địa phương, đảm bảo việc cung ứng kế hoạch giống trồng hàng năm.

Về vườn ươm cây giống gốc: Doanh nghiệp trồng cao su là đầu mối sản xuất, cung ứng và xây dựng vườn giống gốc.

b) Giải pháp về kỹ thuật

Trước mắt, các Doanh nghiệp trồng cao su áp dụng quy trình kỹ thuật chung của Bộ Nông nghiệp và PTNT và của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

Giao Doanh nghiệp trồng cao su chủ trì, cùng với các cơ quan chuyên môn của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam và của tỉnh xây dựng và ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mũ cây cao su trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Giải pháp về khoa học công nghệ

Trong quá trình triển khai dự án các kết quả khảo nghiệm giống, điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được ứng dụng kịp thời vào việc xác định giống cây trồng có khả năng đem lại kết quả tốt và các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc phù hợp.

Tăng cường biện pháp bảo vệ phòng chống cháy, phòng chống sâu bệnh và gia súc phá hoại; Có các giải pháp về chống xói mòn để đảm bảo canh tác bền vững trên đất dốc. Áp dụng đúng quy trình kỹ thuật của ngành bảo vệ thực vật trong quá trình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc cây cao su và các loại cây trồng khác xen canh.

Doanh nghiệp trồng cao su lựa chọn, sử dụng các công nghệ tiên tiến, các thiết bị hiện đại cả trong dây chuyền chế biến cũng như xử lý chất thải nhằm tận dụng tối đa sản phẩm mủ đạt khối lượng và chất lượng tốt đồng thời đảm bảo pháp luật bảo vệ môi trường.

Mở các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật, xây dựng các mô hình điểm, ... để phổ cập tuyên truyền, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho công nhân và người dân.

4. Giải pháp về lao động

Về nguồn lao động: Sử dụng và phát huy tổng hợp lực lượng lao động của các thành phần kinh tế tham gia, trong đó có một bộ phận là công nhân được Doanh nghiệp trồng tuyển dụng, ưu tiên lao động của các hộ gia đình góp đất trồng cao su, đồng thời sử dụng lao động hợp đồng theo mùa vụ, thuê khoán nhân công tại chỗ.

Trên cơ sở quỹ đất được giao, thuê, các Doanh nghiệp trồng cao su chủ động phối hợp với UBND các cấp để bố trí sắp xếp lại dân cư, thành lập làng công nhân nhằm ổn định cuộc sống người dân, đồng thời tăng cường lực lượng lao động tại chỗ gắn với trồng và chăm sóc cây cao su.

5. Giải pháp về tuyên truyền vận động

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, vận động đồng bào trong vùng dự án tham gia chuyển đổi, góp đất vào Doanh nghiệp để trồng cao su và tham gia làm công nhân của Doanh nghiệp hoặc tham gia nhận khoán khai hoang làm đất trồng cao su.

- Tăng cường phối hợp với các ngành, các đoàn thể, nhân dân đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến chủ trương phát triển cao su trên địa bàn. Tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, làm cho nhân dân nhận thức đầy đủ về hiệu quả cũng như việc thực hiện phát triển cây cao su trên địa bàn là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của tỉnh.

6. Cơ chế quản lý

Trên cơ sở quy hoạch phát triển vùng cao su đại diện của tỉnh, hàng năm giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và MT, UBND các huyện có trồng cao su và các Công ty Cổ phần cao su Lai Châu tổng hợp, lập kế hoạch trồng cao su, kế hoạch chuyển đổi đất và kế hoạch vốn hỗ trợ chương trình phát triển cao su của tỉnh, báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết định và triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

7. Tiêu thụ sản phẩm

Công ty, doanh nghiệp trồng cao su trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tìm đầu ra thu mua, tiêu thụ hết số mủ cao su do các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình sản xuất ra trên địa bàn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các cơ quan quản lý

- Sở Nông nghiệp và PTNT: Rà soát bổ sung quy hoạch cao su vào quy hoạch phát triển sản xuất nông lâm nghiệp của tỉnh; Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành Chương trình phát triển cao su trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển cây cao su trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch, hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyên đổi, thanh lý rừng kém hiệu quả chuyển sang trồng cao su, hướng dẫn kỹ thuật, định mức hỗ trợ trồng xen canh cây họ Đậu, lúa nương vào nương cao su, ...

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, tổ chức thực hiện công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; xây dựng hướng dẫn về trình tự, thủ tục góp đất vào doanh nghiệp trồng cao su, ...

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển cao su; cân đối nguồn kinh phí hàng năm cho Chương trình phát triển cao su theo kế hoạch được UBND tỉnh duyệt; lồng ghép các nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng trồng và phát triển cây cao su.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ cho Chương trình phát triển cây cao su của tỉnh; cân đối nguồn hỗ trợ đầu tư đáp ứng theo yêu cầu kế hoạch phát triển cao su hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, ứng vốn, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển cây cao su, ...

- Ủy ban nhân dân các huyện trong vùng phát triển cây cao su: Là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp Chương trình phát triển cây cao su trên địa bàn, làm đầu mối giải quyết các thủ tục về đất đai, bố trí đất ở cho các hộ di chuyển, chỉ đạo các phòng chuyên môn cùng UBND các xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể vận động, tuyên truyền các đối tượng tham gia góp đất chuyển sang trồng cao su; rà soát, kê khai, đo đạc, kiểm kê và xác định nguồn gốc đất, lập phương án thu hồi, góp đất, thực hiện hỗ trợ chuyển đổi đất chuyển sang trồng cao su; làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tham gia góp đất, chuyển đổi sang trồng cao su.

- Các tổ chức, đoàn thể: Trên cơ sở kế hoạch giao hàng năm, các tổ chức đoàn thể tham gia phối kết hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương trong việc vận động, tuyên truyền quần chúng thực hiện Chương trình phát triển cây cao su.

2. Đối với các Doanh nghiệp trồng cao su

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch phát triển cao su được UBND tỉnh phê duyệt, các Doanh nghiệp trồng cao su xây dựng dự án, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép đầu tư theo quy định hiện hành.

3. Đối với các tổ chức ngoài quốc doanh khác, các hộ gia đình, cá nhân

Đối với người dân và các Doanh nghiệp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất: có trách nhiệm chấp hành tốt Điều lệ của Doanh nghiệp và của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, pháp luật Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc các hợp đồng giao khoán, hợp đồng lao động và các hợp đồng khác của Doanh nghiệp, có tinh thần trách nhiệm bảo vệ cây cao su, bảo vệ các công trình của Doanh nghiệp và Nhà nước đầu tư, ...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên & Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên; Tổng Giám đốc các Công ty Cổ phần cao su Lai Châu, Công ty Cổ phần cao su Lai Châu II và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ chương trình PTCS tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tập đoàn Công nghiệp CSVN;
- Các Công ty CPCS Lai Châu;
- Lưu VP, LN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Chữ